TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 331/2021/HS-PT
Ngày 21 - 7 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Phùng Hải Hiệp;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Ông Vũ Hồng Điệp - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 1065/2020/TLPT-HS, ngày 27 tháng 11 năm 2020 do có kháng cáo của các bị cáo Trần Hữu A, Nguyễn Thị A7, Nguyễn Văn A2, Nguyễn Văn A5, Lê Văn A4, Lê Văn A3, Phạm Văn A1, Lê Văn A6 và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 151/2020/HS-ST ngày 23/10/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

** Các bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:*

1. Trần Hữu A; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1979;

Nơi cư trú: Thôn B2, xã B, huyện B1, tỉnh Thanh Hóa; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 02/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Trần Hữu C và con bà: Nguyễn Thị C1 (đều đã chết); bị cáo có vợ: Nguyễn Thị A7 (cùng là bị cáo trong vụ án) sinh năm: 1978; có 02 con, con lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Năm 2006 bị TAND tỉnh Thanh Hóa xử phúc thẩm, xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Cố ý gây thương tích". Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/4/2020 đến ngày 17/7/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Văn A1; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Thôn B3, xã B4, huyện B1, tỉnh Thanh Hóa; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 03/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Phạm Ngọc C2; sinh năm 1948 và con bà: Lê Thị C3 (đã chết); có vợ: Lê Thị C4, sinh năm: 1993 (Hiện đi xuất khẩu lao động tại Trung Quốc); có 01 con sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/4/2020 đến ngày 23/10/2020 được trả tự do tại phiên tòa sơ thẩm; hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn A2, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Thôn B5, xã B, huyện B1, tỉnh Thanh Hóa; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 05/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Văn C5 (đã chết) và con bà: Lê Thị C6, sinh năm: 1962; bị cáo có vợ là Hồ Thị C7, sinh năm: 1984; có 02 con, con lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/4/2020 đến ngày 04/8/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Văn A3; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1993;

Nơi cư trú: Thôn B6, xã B4, huyện B1, tỉnh Thanh Hóa; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Lê Văn C8, sinh năm 1968 và con bà: Nguyễn Thị C9, sinh năm 1969; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Năm 2010 bị Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Hà Nội xử phạt 02 năm tù về tội "Giết người"; bị cáo đã chấp hành xong hình phạt. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/4/2020 đến ngảy 23/10/2020 được trả tự do tại phiên tòa sơ thẩm; hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Lê Văn A4; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1981;

Nơi cư trú: Thôn B7, xã B4, huyện B1, tỉnh Thanh Hóa; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 0/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Lê Văn C10 (đã chết) và con bà: Lê Thị C11, sinh năm: 1958; bị cáo có vợ: Phạm Thị C12, sinh năm: 1984; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/4/2020 đến ngày 18/5/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Văn A5; tên gọi khác: Không, giới tính: Nam; sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Thôn B8, xã B, huyện B1, tỉnh Thanh Hóa; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Văn C13, sinh năm: 1956 và con bà: Nguyễn Thị C14, sinh năm: 1953; bị cáo có vợ: Lê Thị C15, sinh năm: 1993; có 02 con, con lớn

sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/4/2020 đến ngày 17/7/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

7. Lê Văn A6; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Thôn B9, xã B4, huyện B1, tỉnh Thanh Hóa; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 07/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Lê Văn C16, sinh năm: 1928 và con bà: Nguyễn Thị C17, sinh năm: 1946; có vợ: Lê Thị C18, sinh năm: 1987; có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/4/2020 đến ngày 24/8/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Thị A7; tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; sinh năm 1978;

Nơi cư trú: Thôn B2, xã B, huyện B1, tỉnh Thanh Hóa; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 04/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Hữu C19, sinh năm 1957 và con bà: Vũ Thị C20 (đã chết); bị cáo có chồng: Trần Hữu A (là bị cáo trong vụ án), sinh năm: 1979; có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/4/2020 đến ngày 21/4/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn, Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo Trần Hữu A và Nguyễn Thị A7:* Ông Nguyễn Văn H, Luật sư Văn phòng luật sư Minh Bạch Quốc Tế, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội, có mặt.

** Ngoài ra còn có các bị cáo:* Trương Viết A8 và Lê Văn A9 không kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 15 phút, ngày 12/4/2020, Tổ công tác Công an huyện B1, tỉnh Thanh Hóa, phát hiện tại nhà Trần Hữu A ở Thôn B2, xã B, huyện B1, tỉnh Thanh Hóa đang tổ chức đánh bạc bằng hình thức đánh bài ba cây ăn tiền nên đã tiến hành bắt quả tang nhóm đối tượng gồm: Trần Hữu A; Nguyễn Thị A7 (vợ A); Nguyễn Văn A2; Nguyễn Văn A5; Lê Văn A4; Lê Văn A3; Phạm Văn A1; Lê Văn A6; Trương Viết A8; Lê Văn A9.

Tang vật thu giữ gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân; 01 chiếc chiếu; thu tại chiếu bạc số tiền 65.100.000đ; Thu trên người các đối tượng gồm: Trần Hữu A 470.000đ; Nguyễn Thị A7 4.200.000đ và 01 điện thoại Iphone7 Plus màu vàng

gold; Nguyễn Văn A2 1.260.000đ và 01 điện thoại Sam sung GalaxyJ8 màu đen; Nguyễn Văn A5 01 điện thoại Nokia 105 màu xanh; Lê Văn A4 66.600.000đ và 01 điện thoại Oppo F1S màu hồng; Lê Văn A3 75.000.000đ và 01 điện thoại Iphone11 Pro max màu vàng gold; Phạm Văn A1 220.000đ; Lê Văn A6 01 điện thoại Sam Sung GalaxyS8 màu đen; Trương Viết A8 100.000đ; Lê Văn A9 5.860.000đ (tổng số tiền thu giữ là 218.810.000đ). Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Hữu A tạm giữ: số tiền 156.500.000đ; 01 đầu thu Camera nhãn hiệu HIK VISION màu đen; 01 túi xách da màu đen. (BL 01-09).

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận: Khoảng 11 giờ ngày 12/4/2020, Lê Văn A4 và Trương Viết A8 đến nhà Trần Hữu A ăn cơm và uống rượu. Sau khi ăn uống xong, A có gọi điện thoại cho Nguyễn Văn A2, Lê Văn A3, Phạm Văn A1, Nguyễn Văn A5 rủ đến nhà A chơi, đánh bài ăn tiền. Sau đó có A3, A1 và A2 đến. Lúc này tại nhà A có 05 đối tượng là A4, A8, A3, A1 và A2. A trải chiếu xuống nền phòng khách và lấy ra 01 bộ bài Tú lơ khơ để A4, A8, A1, A2 và A3 đánh bạc ăn thua bằng tiền mặt dưới hình thức đánh 3 cây cầm chương. Khoảng 13 giờ 30 có A5 đến; khoảng 14 giờ 30 phút, Lê Văn A6 đến và khoảng 16 giờ 30 phút Lê Văn A9 đến và tham gia đánh bạc.

Về cách thức chơi thì người cầm chương là người chia bài, những người còn lại mỗi người được gọi là 01 "cửa", các cửa đặt tiền đánh với chương. Bài được lấy từ "1" (lá bài Át) đến "9", bỏ các quân bài "10", "Ri", "Quy", "Ka"; mỗi người, kể cả chương, được chia 03 lá bài, ai cao điểm hơn sẽ thắng. Điểm bài được tính đến tròn 10, ví dụ chia được 03 lá bài "2", "3", "5", tổng là 10 điểm hoặc "5", "7", "8" tổng là 20 cũng tính là 10 điểm. Ai được 10 điểm thì người thua phải trả gấp đôi số tiền đã đặt, đồng thời được cầm chương; nếu có 03 lá bài cùng điểm, ví dụ được 03 lá bài là con "3", gọi là "Sáp" thì người thua phải trả gấp 3 lần tiền đặt; Nếu có 03 lá bài liên tiếp cùng chất, ví dụ chia được 03 lá bài "5, 6, 7" cùng chất "Cơ", gọi là "Đồng Hoa", thì người thua phải trả gấp 04 lần tiền đặt. Mỗi lần người chơi đánh tối đa là 200.000 đ, ai bốc bài thì được đặt tối đa là 400.000đ.

Trong quá trình đánh bạc, cứ khoảng 01 tiếng đồng hồ thì các đối tượng bỏ ra 200.000đ để đưa cho Nguyễn Thị A7. Từ khi bắt đầu đánh cho đến khi bị bắt quả tang thì A7 đã thu 03 lần, cụ thể: Lần thứ nhất có 05 người chơi gồm A4, A8, A1, A2 và A3, A7 thu được 1.000.000đ; lần thứ hai có thêm A5 là 06 người chơi, A7 thu được 1.200.000đ; lần thứ 3 có thêm A6 là 07 người chơi, nhưng do A2 thua hết tiền nên có 06 người đưa tiền cho A7, được 1.200.000đ, tổng 03 lần A7 thu được 3.400.000đ; số tiền này đã thu giữ khi bắt quả tang.

Các đối tượng ngồi đánh bạc trên chiếc chiếu trải ở nền phòng khách, cửa phòng khép, cửa cuốn ngoài được hạ xuống, có người đến thì A ra mở cửa, không có ai canh gác, cảnh giới. A không tham gia đánh bạc, mà ngồi xem, sau đó thì A có đặt chung tiền với A2 để đánh (gọi là "Ké cửa"), được khoảng 5 đến 6 ván thì A không đánh nữa, tiếp tục ngồi bên cạnh xem.

A và A7 có cho các đối tượng vay tiền để sử dụng vào việc đánh bạc, không thỏa thuận lãi suất hay có lợi ích vật chất gì khác, cụ thể: A cho A5 vay 03 lần, 01 lần 10.000.000đ và 02 lần mỗi lần 5.000.000đ, tổng là 20.000.000đ, A cho A2 vay 1.000.000đ; A7 cho A2 và A8 mỗi người vay 5.000.000đ.

Số tiền các đối tượng khai nhận đem theo và sử dụng vào việc đánh bạc là Nguyễn Văn A2 10.060.000đ, Nguyễn Văn A5 6.500.000đ, Lê Văn A4 22.000.000đ, Lê Văn A3 16.000.000đ, Phạm Văn A1 75.220.000đ, Trương Viết A8 4.000.000đ, Lê Văn A6 10.000.000đ, Lê Văn A9 6.060.000đ và Trần Hữu A (1.000.000đ).

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 151/2020/HS-ST ngày 23/10/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo: Trần Hữu A; Nguyễn Thị A7; Nguyễn Văn A2; Nguyễn Văn A5; Lê Văn A3; Phạm Văn A1; Lê Văn A6; Lê Văn A4 phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt các bị cáo: Trần Hữu A, Nguyễn Thị A7, Nguyễn Văn A2, Nguyễn Văn A5, Lê Văn A3, Phạm Văn A1, Lê Văn A6 mỗi bị cáo 36 (ba sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; Điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65, Điều 58; Điều 54 Bộ luật hình sự; xử phạt: bị cáo Lê Văn A4 30 (ba mươi) tháng tù; nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo Trương Viết A8 và Lê Văn A9 với mức hình phạt từ 42 đến 48 tháng tù về tội "Đánh bạc"; bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/11/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-P2, kháng nghị một phần bản án hình sự số 151/2020/HS-ST ngày 23/10/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa về phần hình phạt đối với các bị cáo Trần Hữu A, Nguyễn Thị A7, Nguyễn Văn A2, Nguyễn Văn A5, Lê Văn A4, Lê Văn A3,

Phạm Văn A1, Lê Văn A6 theo hướng không cho các bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 04/11/2020 bị cáo Lê Văn A4; ngày 05/11/2020 các bị cáo Trần Hữu A, Nguyễn Thị A7, Nguyễn Văn A5, Phạm Văn A1, Lê Văn A6 và Lê Văn A3 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo A và A3 giữ nguyên nội dung kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữ nguyên nội dung kháng nghị đối với bị cáo A, A3; rút kháng nghị đối với các bị cáo A1, A2, A4, A5, A6

Các bị cáo trình bày:

- Bị cáo Trần Hữu A trình bày: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã quy kết; do hôm đó các bị cáo A4, A8 đến nhà bị cáo uống rượu, sau khi uống nhiều rượu tinh thần bị cáo không tỉnh táo nên anh em có rủ nhau đánh bài; bị cáo có gọi điện cho A2, A3, A1, A5 nói đến chơi; khi anh em đến có lấy bài ra chơi, bị cáo say rượu nên nằm ngủ, sau đó chỉ ngồi xem và có đặt chung tiền với A2; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, khai báo thành khẩn, tích cực trong phong trào phòng chống dịch Covid-19, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bố bị cáo có công với nước nên được tặng huân chương; Viện Kiểm sát kháng nghị cho rằng bị cáo đánh bạc trong khu du lịch là không đúng, vì nhà bị cáo cách xa khu du lịch Hải Tiến; với mức án mà tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là quá cao, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Lê Văn A3 trình bày: Bị cáo thấy việc các bị cáo đánh bài ăn tiền là vi phạm pháp luật, nên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, nhưng với mức án như bản án sơ thẩm đối với bị cáo là quá nghiêm khắc; bị cáo đã rất hối hận, khai báo thành khẩn; bị cáo có hoàn cảnh hết sức khó khăn, hiện bố đang bị bệnh hiểm nghèo, chưa có vợ con; bị cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:*

Sau khi phân tích diễn biến hành vi phạm tội, đánh giá chứng cứ đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "Đánh bạc" là có căn cứ, đúng pháp luật. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là hơn 200.000.000đ; các bị cáo A, A3 có nhân thân xấu; cấp sơ thẩm đã xử phạt hai bị cáo với mức án đầu khung hình phạt là đã thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm lại cho hai bị cáo được hưởng án treo là trái với quy định của pháp luật, không có tính răn đe, giáo dục tại địa phương. Vì vậy, có

căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của cả hai bị cáo. Đối với các bị cáo A4, A7, A2, A5, A1, A6 đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội rút toàn bộ nội dung kháng nghị đối với 06 bị cáo này, cũng như 06 bị cáo đã rút toàn bộ nội dung kháng cáo, nên đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo A4, A7, A2, A5, A, A6. Theo đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Phạm Văn A1, Lê Văn A4, Nguyễn Văn A2, Nguyễn Văn A5, Lê Văn A6 và Nguyễn Thị A7; áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận một phần kháng nghị số 01/QĐ-VKS-P2 ngày 03/11/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo A, A3; sửa Bản án sơ thẩm số 151/2020/HS-ST ngày 23/10/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa về phần hình phạt của các bị cáo A, A3 theo hướng giữ nguyên mức hình phạt như bản án sơ thẩm, nhưng không cho các bị cáo hưởng án treo.

** Người bào chữa cho bị cáo Trần Hữu A và Nguyễn Thị A7 trình bày bài bào chữa:*

Đối với bị cáo Nguyễn Thị A7, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã rút kháng nghị đối với bị cáo và bị cáo cũng rút toàn bộ nội dung kháng cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo A7.

Đối với bị cáo Trần Hữu A, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân tỉnh Thanh Hóa cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng bị cáo có nhân thân xấu là không đúng. Bởi vì, theo Nghị quyết số 02 của Hội đồng thẩm phán thì bị cáo đã đương nhiên được xóa án tích nên coi như chưa can án; bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 và nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phạm Văn A1, Lê Văn A4, Nguyễn Văn A2, Nguyễn Văn A5, Lê Văn A6 và Nguyễn Thị A7 đã rút toàn bộ nội dung kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội rút kháng nghị đối

với 06 bị cáo là A1, A4, A2, A5, A6 và A7 nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo này.

[2] Đối với các bị cáo A, A3 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như quy kết của Bản án sơ thẩm, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhau. Đối chiếu lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay thấy phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của những bị cáo khác trong vụ án cũng như phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sơ để kết luận: Ngày 12/4/2020 bị cáo Trần Hữu A đã gọi điện rủ rê các bị cáo khác trong vụ án đến nhà mình tại Thôn B2, xã B, huyện B1, tỉnh Thanh Hóa để đánh bạc, đồng thời A đã chuẩn bị công cụ, phương tiện dùng để đánh bạc là chiếu, bài tú lơ khơ để các bị cáo tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh bài ba cây, A ngồi xem và thỉnh thoảng có tham gia đánh; trong lúc đánh bạc khoảng 1 tiếng đồng hồ thì các bị cáo phải trả tiền hồ cho Nguyễn Thị A7 mỗi bị cáo 200.000đ, Nguyễn Thị A7 đã thu được 3.600.000đ; đến khoảng 17 giờ 15 phút khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị bắt giữ, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 65.100.000đ. Hành vi đó của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" được quy định tại Điều 321 Bộ luật hình sự. Cấp sơ thẩm đã quy kết các bị cáo theo tội danh như bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật, các bị cáo không bị oan.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng; làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Do số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc trên 50.000.000đ nên cấp sơ thẩm quy kết, xử phạt các bị cáo theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của hai bị cáo thấy rằng: Khi xét xử, cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất hành vi phạm tội, đã phân hóa đúng vai trò của các bị cáo trong vụ án; trong đó bị cáo A với vai trò là chủ mưu, cầm đầu, rủ rê lôi kéo các bị cáo cùng thực hiện tội phạm; đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, như quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo A có bố được tặng huân chương; A3 có hoàn cảnh khó khăn để xử phạt các bị cáo với mức án như bản án sơ thẩm là có căn cứ, không cao. Tại phiên tòa phúc thẩm cả hai bị cáo A, A3 đều trình bày là có thành tích trong phòng chống Covid-19, các bị cáo xuất trình hóa đơn thể hiện sau khi xét xử sơ thẩm đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm; tuy đây là những tình tiết mới, nhưng không đáng kể

so với hành vi phạm tội của các bị cáo, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo.

[5] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa và ý kiến của các bị cáo xin được cải tạo tại địa phương, Hội đồng xét xử thấy: Như đã phân tích trên, trong vụ án này bị cáo A là chủ nhà đã chủ động gọi điện, rủ rê, lôi kéo các đối tượng khác đến nhà mình để tham gia đánh bạc, nên cần xác định bị cáo là chủ mưu, cầm đầu; bị cáo A3 khi nghe A gọi điện đến để đánh bạc, bị cáo đã đến nhà A ngay, bị cáo là một trong năm người có mặt tại nhà A từ đầu và tham gia đánh bạc sớm nhất, số tiền bị cáo mang theo để đánh bạc cũng lớn thứ ba trong các bị cáo khác. Hơn nữa, cả hai bị cáo đều đã từng bị xét xử bằng những hình phạt nghiêm khắc nhưng không lấy đó làm bài học; tuy cả hai bị cáo đều đương nhiên được xóa án tích nên lần phạm tội này không xác định các bị cáo là tái phạm; nhưng phải xác định cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu. Căn cứ Điều 65 Bộ luật tố tụng hình sự và các hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao thì cả hai bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo, bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa vẫn cho cả hai bị cáo được hưởng án treo là trái quy định của pháp luật. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa, cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, sửa bản án sơ thẩm không cho cả hai bị cáo được hưởng án treo.

[6] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 200.000đ là án phí hình sự sơ thẩm theo quyết định của bản án sơ thẩm nên cần ghi nhận các bị cáo đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

[7] Các bị cáo không được chấp nhận kháng cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật, các bị cáo rút kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Lê Văn A4, Nguyễn Văn A5, Nguyễn Văn A2, Phạm Văn A1, Lê Văn A6 và Nguyễn Thị A7, bản án sơ thẩm đối với các bị cáo có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ xét xử phúc thẩm.

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Hữu A, Lê Văn A3; chấp nhận một phần kháng nghị số 01/2020/QĐ-VKS-P2, ngày 03/11/2020 của Viện

trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đối với bị cáo Trần Hữu A và Lê Văn A3; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 151/2020/HS-ST ngày 23/10/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo:

- Bị cáo Trần Hữu A 36 (ba sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc" thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày12/4/2020 đến ngày 17/7/2020.

- Bị cáo Lê Văn A3 36 (ba sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc" thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/4/2020 đến ngày 23/10/2020.

Ghi nhận các bị cáo A, A3, A1, A2, A4, A5, A7 và A6 đã thi hành xong khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm theo các biên lai thu tiền số 0001666, 0001671, 0001672, 0001670, 0001669, 0001668, 0001667 cùng ngày 12/11/2020 và số 0001663 ngày 11/11/2020.

Về án phí: Các bị cáo Trần Hữu A, Lê Văn A3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo Nguyễn Thị A7, Nguyễn Văn A5, Lê Văn A6, Lê Văn A4, Phạm Văn A1, Nguyễn Văn A2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 151/2020/HS-ST ngày 23/10/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKS cấp cao Hà Nội;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Toà án tỉnh Thanh Hóa (08 bản);
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Duy Nhiệm